TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Số: 841 /CSĐP - KTTV

V/v giải trình báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ năm 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 07 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ
DN: C=VN, S=ĐỒNG NAI, L=THUẬN LỢI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3800100376
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025.08.07 10:35:56+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.3

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ NĂM 2025
(Đã Soát Xét)

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	06 THÁNG NĂM 2024	06 THÁNG NĂM 2025	CHÊNH LỆCH	%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2	VI.25	**265.157.762.207**	**257.764.010.492**	(7.393.751.715)	97,21
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	10				-	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 10 - 01)	11		**265.157.762.207**	**257.764.010.492**	(7.393.751.715)	97,21
4	Giá vốn hàng bán	20	VI.27	**166.236.168.169**	**136.973.717.771**	(29.262.450.398)	82,40
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	21		98.921.594.038	120.790.292.721	21.868.698.683	122,11
6	Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.26	9.589.308.826	26.133.592.282	16.544.283.456	272,53
7	Chi phí tài chính	23	VI.28	2.202.906.962	1.633.684.582	(569.222.380)	
8	Trong đó: Chi phí lãi vay	25				-	
9	Chi phí bán hàng	26		3.040.125.156	2.828.702.617	(211.422.539)	93,05
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30		20.219.608.189	25.113.702.675	4.894.094.486	124,20
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25) }	31		**83.048.262.557**	**117.347.795.129**	34.299.532.572	141,30
12	Thu nhập khác	32		62.518.913.381	18.235.598.306	(44.283.315.075)	29,17
13	Chi phí khác	40		11.812.542.150	8.121.195.977	(3.691.346.173)	68,75
14	Lợi nhuận khác (40 = 31 -32)	50		**50.706.371.231**	**10.114.402.329**	(40.591.968.902)	19,95
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	51		**133.754.633.788**	**127.462.197.458**	(6.292.436.330)	95,30
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	52	VI.30	26.710.883.522	23.229.994.450	(3.480.889.072)	86,97
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	60	VI.30	-	-	-	
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN (=50-51-52)	70		**107.043.750.266**	**104.232.203.008**	(2.811.547.258)	97,37
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	71					
20	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)						

Giải Trình:

Trong 06 tháng năm 2024: Sản lượng tiêu thụ là: 2.758,62 tấn; Giá bán bình quân: 41.880.456 VND/tấn.

Trong 06 tháng năm 2025: Sản lượng tiêu thụ là: 3.010,51 tấn; Giá bán bình quân: 54.804.027 VND/tấn.

Do:

+ Sản lượng tiêu thụ 06 tháng năm 2025 cao hơn 06 tháng năm 2024. Và giá bán bình quân cao hơn 06 tháng năm 2024. (giá bán bình quân 06 tháng năm 2025 tăng: 12.923.571VND/tấn hay tăng: 30,86 % so với 06 tháng năm 2024).

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh 06 tháng năm 2025 tăng: 34.299.532.572 VND hay tăng 41,30% so với 06 tháng năm 2024.

+ Lợi nhuận khác 06 tháng năm 2025 giảm: 40.591.968.902 VND hay giảm: 80,05% so với 06 tháng năm 2024.

Do đó, lợi nhuận sau thuế 06 tháng năm 2025 giảm: 2.811.547.258 VND hay giảm : 2,63% so với 06 tháng năm 2024.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, N.Vu (b)

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N:3800100376-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ H.ĐỒNG PHÚ-T.BÌNH PHƯỚC

Hồ Cường